

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 59

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“KH & ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán là TTF theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Huyền Nga	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Phùng Thị Mỹ Lệ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017 và
		từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Ngô Phương Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017 và
		từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sửa đổi điều lệ của Công ty theo Tờ trình số 06/TT/ĐHĐCĐ/TTF. Theo đó, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017, Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Dương Trịnh Thụy Như	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Minh	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	từ ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Tuyết Hằng	cho đến ngày 26 tháng 4 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61270704/19523933

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 7 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch thiếu với số tiền là 931.037.161.562 VND khi thực hiện kiểm kê toàn bộ hàng tồn kho trong năm 2016 vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Ban Giám đốc không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản chênh lệch thiếu này đến từng kỳ kế toán. Vì chúng tôi được bổ nhiệm soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, và do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các thủ tục thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ kế toán tiếp theo của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, và khoản lỗ thuần sau thuế trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi đã không thể đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Chúng tôi cũng không thể đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, do ảnh hưởng có thể có của vấn đề trên đối với tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu kỳ hiện tại.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận số lãi vay được miễn giảm từ các khoản vay ngân hàng vào tài khoản thu nhập khác cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 72.038.889.523 VND, mà theo chúng tôi, là chưa phù hợp với các quy định hiện hành dựa trên các thông tin hiện có. Do đó, nếu Công ty không ghi nhận số tiền lãi được miễn giảm này thì khoản mục chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lên với số tiền là 72.038.889.523 VND, và các khoản mục thu nhập khác và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ giảm với cùng số tiền tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 30 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ với dữ liệu kỳ hiện tại và việc Nhóm Công ty ghi nhận số lãi vay được miễn giảm từ các khoản vay ngân hàng.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.523.831.529.663	2.423.246.552.958
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.194.264.935	103.850.722.369
111	1. Tiền		41.238.251.232	103.850.722.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		956.013.703	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	470.862.099	752.831.791
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		470.862.099	752.831.791
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.390.862.043.518	1.107.767.528.545
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	602.811.153.706	769.779.410.870
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	115.003.056.653	75.722.684.363
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	331.441.804.305	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	341.816.926.098	257.688.912.951
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	114.922.549.071	125.228.531.326
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9, 10	(115.133.446.315)	(120.652.010.965)
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.035.453.179.041	1.152.072.697.206
141	1. Hàng tồn kho		1.090.441.805.192	1.228.659.581.047
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(54.988.626.151)	(76.586.883.841)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		54.851.180.070	58.802.773.047
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.465.981.929	3.727.826.238
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	50.064.496.937	52.605.169.094
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	3.320.701.204	2.469.777.715
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		824.124.012.592	849.608.147.069
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		36.835.314.326	35.401.679.296
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6.2	-	669.883.784
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	35.981.460.000	34.491.840.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	853.854.326	909.839.296
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	6	-	(669.883.784)
220	II. Tài sản cố định		366.506.271.486	377.301.525.553
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	363.356.510.933	373.992.835.313
222	Nguyên giá		534.816.162.454	531.615.599.230
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(171.459.651.521)	(157.622.763.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.149.760.553	3.308.690.240
228	Nguyên giá		6.115.873.306	6.115.873.306
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.966.112.753)	(2.807.183.066)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		46.132.222.959	47.095.960.884
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	46.132.222.959	47.095.960.884
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	291.929.677.899	301.958.766.483
251	1. Đầu tư vào công ty con		241.385.487.443	241.385.487.443
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		173.135.473.000	173.135.473.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		279.784.766	279.784.766
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(122.871.067.310)	(112.841.978.726)
260	V. Tài sản dài hạn khác		82.720.525.922	87.850.214.853
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	82.720.525.922	87.850.214.853
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.347.955.542.255	3.272.854.700.027

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.248.078.944.532	3.174.411.155.028
310	I. Nợ ngắn hạn		1.654.193.879.246	3.172.451.742.528
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	199.617.695.404	228.789.174.125
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	305.365.068.343	179.487.965.150
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	21.420.045.382	26.654.318.712
314	4. Phải trả người lao động		25.073.815.847	36.366.018.753
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	137.154.353.062	103.759.210.503
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		185.000.005	195.000.005
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	47.956.977.741	100.202.119.400
320	8. Vay ngắn hạn	21	915.418.699.144	2.494.963.821.850
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.002.224.318	2.034.114.030
330	II. Nợ dài hạn		1.593.885.065.286	1.959.412.500
338	1. Vay dài hạn	21	1.592.336.527.786	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.548.537.500	1.959.412.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		99.876.597.723	98.443.544.999
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	99.876.597.723	98.443.544.999
411	1. Vốn cổ phần		1.446.078.400.000	1.446.078.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.446.078.400.000	1.446.078.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.750.862.467	63.750.862.467
415	3. Cổ phiếu quỹ		(552.965.000)	(552.965.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		16.176.475.297	16.176.475.297
421	5. Lỗ lũy kế		(1.425.576.175.041)	(1.427.009.227.765)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.427.009.227.765)	(151.422.996.026)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ) kỳ này		1.433.052.724	(1.275.586.231.739)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.347.955.542.255	3.272.854.700.027


Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập


Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng


Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc




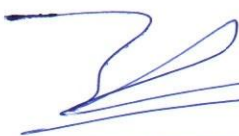
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	501.512.155.988	491.022.328.544
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(423.379.569.455)	(1.325.926.349.640)
20	3. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.132.586.533	(834.904.021.096)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.662.447.592	37.174.807.625
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(115.127.246.745) (104.357.128.419)	(89.306.088.093) (76.768.417.102)
25	6. Chi phí bán hàng	27	(4.899.181.528)	(8.828.412.379)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(31.424.332.257)	(66.822.781.757)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(56.655.726.405)	(962.686.495.700)
31	9. Thu nhập khác	26	73.835.277.789	16.824.319.135
32	10. Chi phí khác	26	(15.746.498.660)	(6.748.454.738)
40	11. Lợi nhuận khác	26	58.088.779.129	10.075.864.397
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.433.052.724	(952.610.631.303)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		1.433.052.724	(952.610.631.303)


Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập


Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng


Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.433.052.724	(952.610.631.303)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	14.880.637.092	3.603.775.407
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(18.168.492.540)	22.709.890.555
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.199.188.168)	(15.781.024.336)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.287.473.653)	(16.270.153.839)
06	Chi phí lãi vay	25	104.357.128.419	76.768.417.102
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.015.663.874	(881.579.726.414)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(118.509.979.670)	214.121.003.922
10	Giảm hàng tồn kho		138.217.775.855	357.032.243.344
11	Giảm các khoản phải trả		(99.252.912.653)	(140.752.294.768)
12	Giảm chi phí trả trước		8.061.417.024	798.693.590
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.784.886.864)	(29.620.915.009)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.889.712)	(574.464.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		12.715.187.854	(480.575.459.550)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.121.645.098)	(43.706.900.038)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		327.272.728	863.636.363
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(94.121.688.188)	(25.555.115.726)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi tiền cho vay		9.710.578.685	113.220.581.184
26	Tiền thu hồi từ bán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	12.387.220.969
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		125.125.247	1.484.687.075
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(87.080.356.626)	58.694.109.827

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	5.208.401.000
33	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		300.000.000.000	948.350.668.896
34	Tiền thu từ đi vay		(287.184.000.000)	(450.295.394.016)
	Tiền chi trả nợ gốc vay			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.816.000.000	503.263.675.880
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(61.549.168.772)	81.382.326.157
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		103.850.722.369	4.615.301.999
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(107.288.662)	71.502.337
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	42.194.264.935	86.069.130.493



Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập



Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán là TTF theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.176 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.372 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 30 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Thông tin so sánh

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch thiếu với số tiền là 931.037.161.562 VND khi thực hiện kiểm kê toàn bộ hàng tồn kho trong tháng 6 năm 2016 vào tài khoản giá vốn hàng bán theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam vì Công ty không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản chênh lệch thiếu này đến từng kỳ kế toán. Theo đó, các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan kèm theo có thể không so sánh được với số liệu của kỳ hiện tại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự phụ trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được xem xét và đánh giá hơn là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	257.152.271	229.894.870
Tiền gửi ngân hàng	40.981.098.961	103.620.827.499
Khoản tương đương tiền (*)	956.013.703	-
TỔNG CỘNG	42.194.264.935	103.850.722.369

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng khoản tương đương tiền này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	470.862.099	752.831.791

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	83.221.466.877	141.781.693.575
Phải thu từ các bên khác	519.589.686.829	627.997.717.295
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	84.611.869.162	84.611.869.162
- AFI	65.056.701.239	78.468.721.746
- GME	53.440.787.812	64.412.110.111
- Các khách hàng khác	<u>316.480.328.616</u>	<u>400.505.016.276</u>
TỔNG CỘNG	602.811.153.706	769.779.410.870
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng khó đòi	<u>(97.966.829.218)</u>	<u>(104.155.277.652)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>504.844.324.488</u>	<u>665.624.133.218</u>

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2016, Công ty và một nhà đầu tư tổ chức (“Nhà đầu tư”) đã thống nhất thông qua Thỏa thuận nguyên tắc (“MOU”) số 026/2016/TTNT-AS-TTF về việc Nhà đầu tư đồng ý hỗ trợ và sẵn sàng đảm bảo khả năng thu hồi các khoản phải thu từ một số khách hàng của Công ty với tổng số tiền dự kiến là 400.000.000.000 VND, bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu về cho vay, để đổi lại cho việc Nhà đầu tư sẽ được quyền mua cổ phiếu trong tương lai khi Công ty phát hành. Các nội dung chính của MOU quy định rằng Nhà đầu tư sẽ thanh toán cho Công ty số tiền tối thiểu là 50.000.000.000 VND mà không phụ thuộc vào các điều khoản của Thỏa thuận chi tiết được ký sau đó và Nhà đầu tư phải cung cấp biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thu hồi các khoản phải thu của Công ty. Tuy nhiên, MOU này chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi Thỏa thuận chi tiết về việc thu hồi các khoản phải thu được ký kết chính thức trước ngày 28 tháng 2 năm 2017, và đồng thời Nhà đầu tư thanh toán số tiền tối thiểu đã nêu trước ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2017, Công ty, Nhà đầu tư và Ông Bùi Hồng Minh đã ký kết Thỏa thuận thu hồi nợ số 05/2017/AS-TTF (“Thỏa thuận”) với các nội dung và điều khoản tương tự như MOU. Ông Bùi Hồng Minh đồng ý dùng số tiền đã cho Công ty vay là 300.000.000.000 VND (Thuyết minh số 21.3) để bảo đảm cho số phải thu được quy định cụ thể theo Thỏa thuận là 350.222.090.552 VND trong trường hợp Nhà đầu tư thực hiện không đúng thời hạn cam kết thanh toán cho Công ty. Thêm vào đó, Nhà đầu tư cũng đã thanh toán 60.000.000.000 VND cho Công ty vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 theo Thỏa thuận. Dựa trên các sự kiện đã đề cập, vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng khả năng thu hồi các khoản phải thu với số tiền nêu trên là đảm bảo. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.818.782.858	-
Trả trước cho các bên khác	87.184.273.795	75.722.684.363
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Phương Mai	24.874.230.764	24.874.230.764
- Công ty TNHH MTV Thương mại Giấy Hưng Thịnh	10.154.340.355	12.285.318.830
- Các nhà cung cấp khác	52.155.702.676	38.563.134.769
	<u>115.003.056.653</u>	<u>75.722.684.363</u>
Dài hạn		
Trả trước cho các bên khác	-	669.883.784
TỔNG CỘNG	<u>115.003.056.653</u>	<u>76.392.568.147</u>
Dự phòng các khoản trả trước khó đòi	(14.826.124.408)	(14.826.124.408)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(14.826.124.408)	(14.156.240.624)
Dài hạn	-	(669.883.784)

6.3 Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng khó đòi, các khoản trả trước khó đòi và các khoản phải thu khác khó đòi. Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(121.321.894.749)	(233.956.079.434)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(22.405.645.148)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>6.188.448.434</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>(115.133.446.315)</u>	<u>(256.361.724.582)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	94.651.396.859	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	69.535.228.747	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	56.279.454.134	-
Phải thu các bên khác	110.975.724.565	-
TỔNG CỘNG	<u>331.441.804.305</u>	<u>-</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu về cho các bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 31)	238.652.756.028	240.690.756.028
Phải thu về cho các bên khác vay	103.164.170.070	16.998.156.923
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC (**)	89.014.622.140	-
- Các bên khác	14.149.547.930	16.998.156.923
	<u>341.816.926.098</u>	<u>257.688.912.951</u>
Dài hạn		
Phải thu về cho bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 31)	35.981.460.000	34.491.840.000
TỔNG CỘNG	<u>377.798.386.098</u>	<u>292.180.752.951</u>

(*) Đây là khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với lãi suất dao động từ 7% đến 12%/năm.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng cho vay số 28.6/2017/HĐ/TTF-DLC (“Hợp đồng cho vay”) với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC (“DLC”) và theo Giấy nhận nợ số 01/2017/GNN/TTF-DLC và Giấy nhận nợ số 02/2017/GNN/TTF-DLC vào cùng ngày, Công ty đã cho DLC vay với số tiền lần lượt là 2.416.713 USD và 33.961.900.000 VND để hỗ trợ DLC thanh toán các khoản vay đã quá hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nhận được Cam kết bảo lãnh (“Cam kết”) từ Bà Ngô Thị Lan Phương. Theo Cam kết này, Bà Ngô Thị Lan Phương đồng ý dùng số tiền đã cho Công ty vay là 100.000.000.000 VND (Thuyết minh số 21.3) để bảo đảm cho số tiền mà Công ty đã cho DLC vay trong trường hợp DLC không thực hiện thanh toán đúng thời hạn theo Hợp đồng cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 31)</i>	99.320.617.365	108.915.877.846
Cho vay không lãi suất	2.330.003.814	2.774.722.186
Tạm ứng cho nhân viên	4.096.169.924	3.426.768.960
Khác	9.175.757.968	10.111.162.334
	<u>114.922.549.071</u>	<u>125.228.531.326</u>
Dài hạn		
Khác	853.854.326	909.839.296
	<u>853.854.326</u>	<u>909.839.296</u>
TỔNG CỘNG	115.776.403.397	126.138.370.622
Dự phòng các khoản phải thu khác khó đòi	<u>(2.340.492.689)</u>	<u>(2.340.492.689)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>113.435.910.708</u>	<u>123.797.877.933</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. NỢ XẤU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi ước tính</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi ước tính</i>
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	3.973.242.287	2.781.269.601	515.011.418	360.507.993
Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.352.919.268	2.176.459.633	266.827.996	133.413.998
Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	202.820.176	60.846.055	155.000.000	46.500.000
Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên	2.976.927.310	-	2.904.616.797	-
Khả năng thu hồi thấp	108.646.112.563	-	118.020.860.529	-
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam	41.280.265.197	-	40.256.670.026	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lâm nghiệp Minh Hoàng	18.032.239.034	-	17.585.107.391	-
- Khác	49.333.608.332	-	60.179.083.112	-
TỔNG CỘNG	120.152.021.604	5.018.575.289	121.862.316.740	540.421.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	12.680.838.957	-
Nguyên vật liệu	668.558.426.134	(35.120.946.014)	656.409.652.497	(46.232.735.938)
Vật liệu phụ	12.575.488.058	(516.476.264)	21.247.232.648	(516.476.264)
Công cụ, dụng cụ	1.357.691.734	-	1.291.320.832	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.658.874.386	(13.230.539.353)	392.152.800.196	(23.717.007.119)
<i>Chi phí dở dang hàng sản xuất</i>	101.706.537.948	(1.730.539.353)	119.175.881.055	(1.730.539.353)
<i>Chi phí dở dang công trình lắp đặt</i>	27.183.121.318	-	182.343.520.021	(10.486.467.766)
<i>Chi phí trồng rừng Huyện Krông Păk, Tỉnh Đắk Lắk</i>	57.269.215.120	-	57.133.399.120	-
<i>Bất động sản (*)</i>	33.500.000.000	(11.500.000.000)	33.500.000.000	(11.500.000.000)
Thành phẩm	164.551.790.771	(4.730.277.756)	121.704.809.009	(4.730.277.756)
Hàng hóa	20.025.568.909	(1.390.386.764)	16.670.460.395	(1.390.386.764)
Hàng gửi đi bán	3.713.965.200	-	6.502.466.513	-
TỔNG CỘNG	1.090.441.805.192	(54.988.626.151)	1.228.659.581.047	(76.586.883.841)

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 21.2*).

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 7 tháng 1 năm 2008, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Thửa đất số 77, 78A, 79A và 80A có tổng diện tích là 10.320 m² tọa lạc tại Ấp Đông Chiêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam với tổng giá trị là 33.500.000.000 VND. Sau đó, Công ty ký kết thỏa thuận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2014/TTBT-TTF với Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á (“Địa ốc Đại Á”) ngày 19 tháng 7 năm 2014, Công ty nhận tiền bồi thường liên quan đến các thửa đất này với giá trị là 22.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng từ Ông Phạm Hoài Nam và chuyển nhượng lại cho Địa ốc Đại Á vẫn chưa được Công ty hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	(76.586.883.841)	(48.376.720.341)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(11.111.789.924)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>21.598.257.690</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>(54.988.626.151)</u>	<u>(59.488.510.265)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	279.757.352.294	220.120.277.649	18.551.655.464	13.186.313.823	531.615.599.230
Mua mới	-	2.582.775.436	-	-	2.582.775.436
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	1.502.607.589	-	-	1.502.607.589
Thanh lý	-	-	(884.819.801)	-	(884.819.801)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>279.757.352.294</u>	<u>224.205.660.674</u>	<u>17.666.835.663</u>	<u>13.186.313.823</u>	<u>534.816.162.454</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.265.093.724</i>	<i>12.066.212.190</i>	<i>3.913.086.166</i>	<i>1.564.936.231</i>	<i>18.809.328.311</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(54.910.334.698)	(88.731.956.326)	(11.876.447.661)	(2.104.025.232)	(157.622.763.917)
Khấu hao trong kỳ	(6.227.629.712)	(6.946.638.893)	(811.068.167)	(736.370.633)	(14.721.707.405)
Thanh lý	-	-	884.819.801	-	884.819.801
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(61.137.964.410)</u>	<u>(95.678.595.219)</u>	<u>(11.802.696.027)</u>	<u>(2.840.395.865)</u>	<u>(171.459.651.521)</u>
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>224.847.017.596</u>	<u>131.388.321.323</u>	<u>6.675.207.803</u>	<u>11.082.288.591</u>	<u>373.992.835.313</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>218.619.387.884</u>	<u>128.527.065.455</u>	<u>5.864.139.636</u>	<u>10.345.917.958</u>	<u>363.356.510.933</u>

Tất cả tài sản cố định đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 21.2*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5.958.614.295</u>	<u>157.259.011</u>	<u>6.115.873.306</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	316.987.227	157.259.011	474.246.238
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(2.649.924.055)	(157.259.011)	(2.807.183.066)
Hao mòn trong kỳ	<u>(158.929.687)</u>	-	<u>(158.929.687)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(2.808.853.742)</u>	<u>(157.259.011)</u>	<u>(2.966.112.753)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.308.690.240</u>	-	<u>3.308.690.240</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.149.760.553</u>	-	<u>3.149.760.553</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Mua sắm máy móc, thiết bị	29.898.047.678	30.105.857.243
Xây dựng nhà kho, trưng bày	<u>16.234.175.281</u>	<u>16.990.103.641</u>
TỔNG CỘNG	<u>46.132.222.959</u>	<u>47.095.960.884</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	654.883.448	2.040.301.077
Công cụ, dụng cụ	186.271.478	1.370.811.500
Khác	624.827.003	316.713.661
	<u>1.465.981.929</u>	<u>3.727.826.238</u>
Dài hạn		
Chi phí thuê đất (*)	70.646.119.278	71.657.928.210
Công cụ, dụng cụ	11.326.991.114	15.570.613.064
Khác	747.415.530	621.673.579
	<u>82.720.525.922</u>	<u>87.850.214.853</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.186.507.851</u>	<u>91.578.041.091</u>

(*) Chi tiết bao gồm:

- Ngày 2 tháng 8 năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 1868/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương (“UBND”) và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 905 có diện tích 4.417 m² tọa lạc tại Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 2.477.053.600 VND và có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (“GCNQSDĐ”) ngày 9 tháng 11 năm 2009. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 1.997.631.946 VND.
- Ngày 27 tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN với Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương (“GENIMEX”) và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 183 có diện tích 25.821,8 m² tọa lạc tại Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 50 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 20.773.881.332 VND và có được GCNQSDĐ số BI 674485 ngày 22 tháng 6 năm 2012. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 16.955.466.518 VND.
- Ngày 8 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 004/HĐTĐ-CCN với GENIMEX và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 214 có diện tích 27.457,7 m² tọa lạc tại Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 24.258.621.295 VND và có được GCNQSDĐ số CB 049399 ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 21.148.609.405 VND.
- Ngày 5 tháng 6 năm 2007, Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Gỗ Trường Thành (“CBG”), công ty được sáp nhập vào Công ty, đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất thuê với Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ để thuê lại thửa đất số 165 có diện tích 120.478,5 m² tọa lạc tại Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, CBG đã thanh toán số tiền thuê là 35.541.157.500 VND và có được GCNQSDĐ số AB 722240 vào ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 30.544.411.409 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	241.385.487.443	241.385.487.443
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	173.135.473.000	173.135.473.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	279.784.766	279.784.766
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (<i>Thuyết minh số 16.1 và 16.2</i>)	<u>(122.871.067.310)</u>	<u>(112.841.978.726)</u>
TỔNG CỘNG	<u>291.929.677.899</u>	<u>301.958.766.483</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại		
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND		
Công ty Cổ phần Trường Thành	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	70,00	19.600.000.000	(19.600.000.000)	-	70,00	19.600.000.000	(10.693.123.512)	8.906.876.488	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	99,99	53.347.393.305	(19.578.050.480)	33.769.342.825	99,99	53.347.393.305	(20.959.129.746)	32.388.263.559	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	99,97	59.564.847.684	(20.116.070.760)	39.448.776.924	99,97	59.564.847.684	(20.476.637.367)	39.088.210.317	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	99,44	1.777.000.000	(1.777.000.000)	-	99,44	1.777.000.000	(1.777.000.000)	-	Đắk Nông	Trồng rừng
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	97,50	12.480.000.000	(6.168.618.243)	6.311.381.757	97,50	12.480.000.000	(6.613.949.342)	5.866.050.658	TP. HCM	Thương mại
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	90,25	9.885.456.454	(9.885.456.454)	-	90,25	9.885.456.454	(8.526.724.278)	1.358.732.176	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	Đắk Nông	Thương mại
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	68,52	12.571.430.000	-	12.571.430.000	68,52	12.571.430.000	-	12.571.430.000	Phú Yên	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	79,89	26.809.360.000	(9.658.684.264)	17.150.675.736	79,89	26.809.360.000	(8.792.409.076)	18.016.950.924	Đắk Lắk	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	97,30	5.400.000.000	(4.867.184.146)	532.815.854	97,30	5.400.000.000	(1.889.161.486)	3.510.838.514	Đắk Lắk	Khu Công nghiệp
Công ty Cổ phần Lâm sản Trường Thành (*)	98,00	-	-	-	98,00	-	-	-	Đắk Lắk	Trồng rừng
TỔNG CỘNG		241.385.487.443	(112.651.064.347)	128.734.423.096		241.385.487.443	(100.728.134.807)	140.657.352.636		

(*) Công ty Cổ phần Lâm sản Trường Thành là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6001547283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp vào ngày 18 tháng 7 năm 2016. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại		
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND		
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	51,00	94.930.473.000	(4.424.300.229)	90.506.172.771	51,00	94.930.473.000	(7.147.426.991)	87.783.046.009	Phú Yên	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	26,74	52.680.000.000	(2.067.086.944)	50.612.913.056	26,74	52.680.000.000	(2.051.774.306)	50.628.225.694	Đồng Nai	Bất động sản
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	25,72	23.525.000.000	(2.277.571.019)	21.247.428.981	25,72	23.525.000.000	(1.574.105.098)	21.950.894.902	Đắk Nông	Trồng rừng
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	43,76	2.000.000.000	(1.451.044.771)	548.955.229	43,76	2.000.000.000	(1.340.537.524)	659.462.476	TP. HCM	Bao bì
TỔNG CỘNG		173.135.473.000	(10.220.002.963)	162.915.470.037		173.135.473.000	(12.113.843.919)	161.021.629.081		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.568.977.470	72.095.153.415
Phải trả cho các bên khác	159.048.717.934	156.694.020.710
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC ("DLC")	31.799.689.004	31.799.689.004
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	22.221.978.583	22.221.978.583
- Phải trả nhà cung cấp khác	105.027.050.347	102.672.353.123
TỔNG CỘNG	199.617.695.404	228.789.174.125

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	74.369.080.873	53.218.389.207
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	66.432.935.068	21.299.901.362
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	48.190.001.707	24.835.249.883
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	22.000.000.000	22.000.000.000
Khách hàng khác	94.373.050.695	58.134.424.698
TỔNG CỘNG	305.365.068.343	179.487.965.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	52.605.169.094	22.849.829.034	(25.390.501.191)	50.064.496.937
Thuế nhập khẩu	2.469.777.715	884.676.774	(33.753.285)	3.320.701.204
TỔNG CỘNG	55.074.946.809	23.734.505.808	(25.424.254.476)	53.385.198.141
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	13.567.180.309	25.395.612.419	(29.946.699.876)	9.016.092.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.326.411.344	-	-	8.326.411.344
Thuế thu nhập cá nhân	4.068.784.536	1.895.473.913	(2.578.659.786)	3.385.598.663
Khác	691.942.523	-	-	691.942.523
TỔNG CỘNG	26.654.318.712	27.291.086.332	(32.525.359.662)	21.420.045.382

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi vay	130.789.454.878	91.278.805.245
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	651.145.366	8.977.297.601
Khác	5.713.752.818	3.503.107.657
TỔNG CỘNG	137.154.353.062	103.759.210.503

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.389.634.422	26.343.175.500
Lãi chậm nộp	26.746.099.680	36.106.155.112
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	12.982.260.584	21.345.502.774
Kinh phí công đoàn	847.421.383	1.040.637.383
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.316.277.749	1.283.755.804
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.675.283.923	14.082.892.827
TỔNG CỘNG	47.956.977.741	100.202.119.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

						VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn						
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 21.1)	1.367.725.527.786	-	(275.389.000.000)	(1.092.336.527.786)	-	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	791.238.294.064	-	(11.795.000.000)	-	(24.594.920)	779.418.699.144
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.3)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-	100.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	36.000.000.000	-	-	-	-	36.000.000.000
	<u>2.494.963.821.850</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>(287.184.000.000)</u>	<u>(1.592.336.527.786)</u>	<u>(24.594.920)</u>	<u>915.418.699.144</u>
Dài hạn						
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 21.1)	-	-	-	1.092.336.527.786	-	1.092.336.527.786
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.3)	-	-	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.592.336.527.786</u>	<u>-</u>	<u>1.592.336.527.786</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.494.963.821.850</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>(287.184.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>(24.594.920)</u>	<u>2.507.755.226.930</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay các tổ chức khác

Công ty có các khoản vay từ các tổ chức nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>	
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần				
Hợp đồng số 01/2016/HĐ/VGR-TTF ngày 1 tháng 8 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	60.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dựa theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") (2017: 6,5)	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát				
Hợp đồng số 01/TTGH/TLP-TTF ngày 28 tháng 12 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	529.498.750.006	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dựa theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank (2017: 6,5)	Tín chấp
Hợp đồng số 02/TTGH/TLP-TTF ngày 11 tháng 1 năm 2017 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	502.837.777.780	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dựa theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank (2017: 6,5)	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>1.092.336.527.786</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty có các khoản vay ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	năm 2017			USD	
	VND	USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Bình Dương ("Viet A Bank")					
Hợp đồng số 210-15/14/VAB/HĐNHĐN ngày 8 tháng 10 năm 2014	154.538.794.644	-	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2016	11,88	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số TTF-ASA/01-15, 1103/2015 TTF-DLC, 0115IN/TTF-ANS và 09/15/TTF-MAN
Hợp đồng số 210-2/16/VAB/HĐNHĐN ngày 29 tháng 12 năm 2015					
- VND	151.965.703.800	-	Từ ngày 4 tháng 12 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2017	10 - 11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 01/15IN/TTF-ASH, TTF-RC/150112, 1009/16IN/TTF-LL, và
- USD	12.688.491.420	557.246	Ngày 14 tháng 2 năm 2017	4,4 - 5	0103/2016IN/TTF-FGG và hàng hóa, nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm hình thành trong tương lai
Hợp đồng số 210-45/15/VAB/HĐNHĐN	186.734.287.000	-	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 25 tháng 2 năm 2016	11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 0303/2015 TTJSC-HNAM, 0203/2015 TTJSC-VUTHANH, và 0103/2015 TTJSC-DLC và 0403/2015 TTJSC-HNAM
Hợp đồng số 210-46/15/VAB/HĐNHĐN	33.385.262.842	-	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 25 tháng 2 năm 2016	11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 1003/2015 TTBD3-DLC và 1103/2015 TTBD3-DLC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, Chi nhánh Bình Dương (“Dong A Bank”)					
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25 tháng 6 năm 2015	124.292.700.000	-	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 9 năm 2016	8,5	12.859 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội, Chi nhánh Phú Nhuận (“SHB”)					
Hợp đồng số 02/2013/HĐHM- PN/SHB.PN ngày 9 tháng 4 năm 2013					
- VND	40.520.634.438	-	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2014	11,5	Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng xuất khẩu, hàng tồn kho và các tài sản hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành, công ty con của Công ty
- USD	15.312.825.000	672.500	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 đến ngày 6 tháng 12 năm 2014	6,9	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long, Chi nhánh Bình Dương (“Kien Long Bank”)					
Hợp đồng số 2047/14/HĐTD/0100- 2647 ngày 10 tháng 12 năm 2014	59.980.000.000	-	Từ ngày 5 tháng 11 năm 2016 đến 4 tháng 12 năm 2016	9,27	4.818 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm
TỔNG CỘNG	779.418.699.144	1.229.746			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay cá nhân

Công ty có các khoản vay từ các cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngắn hạn				
Bà Ngô Thị Lan Phương				
Hợp đồng số 30.6/17/HĐVT/TTT ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>100.000.000.000</u>	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Dựa theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank (2017: 6,5)	Tín chấp
Dài hạn				
Ông Bùi Hồng Minh				
Hợp đồng số 01/2016/HĐV/TTT- BHM ngày 22 tháng 12 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	<u>500.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dựa theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank (2017: 6,5)	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Vay ngân hàng dài hạn

Công ty sử dụng khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Kien Long Bank				
Hợp đồng số 2048/14/HĐTĐ/0100-2647 ngày 10 tháng 12 năm 2014	<u>36.000.000.000</u>	Ngày 10 tháng 12 năm 2017	10,89	4.818 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của CBG, công ty con đã sáp nhập vào Công ty
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	36.000.000.000			

21.5 Các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Viet A Bank	539.312.539.706	42.325.135.564	430.282.496.886	48.159.353.066
Dong A Bank	124.292.700.000	15.444.053.508	124.292.700.000	7.520.393.880
Kien Long Bank	59.980.000.000	-	59.980.000.000	4.059.888.871
SHB	55.833.459.438	11.969.099.472	56.846.909.438	28.864.769.198
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	-	879.687.374	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	-	-	-	664.574.237
TỔNG CỘNG	<u>779.418.699.144</u>	<u>70.617.975.918</u>	<u>671.402.106.324</u>	<u>91.268.979.252</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi vay	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.400.939.400.000	51.798.842.848	6.743.618.619	(4.640.000)	16.176.475.297	(151.422.996.026)	1.324.230.700.738
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(952.610.631.303)	(952.610.631.303)
Phát hành cổ phiếu	45.139.000.000	-	-	-	-	-	45.139.000.000
Tăng vay chuyển đổi	-	-	5.208.401.000	-	-	-	5.208.401.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.446.078.400.000</u>	<u>51.798.842.848</u>	<u>11.952.019.619</u>	<u>(4.640.000)</u>	<u>16.176.475.297</u>	<u>(1.104.033.627.329)</u>	<u>421.967.470.435</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.446.078.400.000	63.750.862.467	-	(552.965.000)	16.176.475.297	(1.427.009.227.765)	98.443.544.999
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.433.052.724	1.433.052.724
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.446.078.400.000</u>	<u>63.750.862.467</u>	<u>-</u>	<u>(552.965.000)</u>	<u>16.176.475.297</u>	<u>(1.425.576.175.041)</u>	<u>99.876.597.723</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	144.607.840	144.607.840
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(15.815)	(15.815)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	144.592.025	144.592.025

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	1.446.078.400.000	1.400.939.400.000
Phát hành cổ phiếu mới	-	45.139.000.000
Số cuối kỳ	1.446.078.400.000	1.446.078.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)</i>
		VND
Doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm, và hàng hóa	155.830.101.594	417.460.086.623
Doanh thu hợp đồng thi công, lắp đặt	345.682.054.394	73.197.019.034
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	365.222.887
TỔNG CỘNG	<u>501.512.155.988</u>	<u>491.022.328.544</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>9.835.809.539</i>	<i>126.650.865.640</i>
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	<i>491.676.346.449</i>	<i>364.371.462.904</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Lãi cho vay	14.838.543.418	14.173.854.243
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.702.246.667	17.829.793.846
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	3.655.220.969
Lãi tiền gửi	121.657.507	1.515.938.567
TỔNG CỘNG	<u>16.662.447.592</u>	<u>37.174.807.625</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)</i>
		VND
Giá vốn nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	137.660.186.161	346.218.773.811
Giá vốn hợp đồng thi công, lắp đặt	307.317.640.984	37.297.765.337
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.598.257.690)	11.111.789.924
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	931.037.161.562
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	260.859.006
TỔNG CỘNG	<u>423.379.569.455</u>	<u>1.325.926.349.640</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)</i>
Chi phí lãi vay	104.357.128.419	76.768.417.102
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	10.029.088.584	5.998.770.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	649.504.359	5.197.875.317
Chi phí khác	91.525.383	1.341.025.389
TỔNG CỘNG	<u>115.127.246.745</u>	<u>89.306.088.093</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập từ miễn, giảm lãi vay (*)	72.038.889.523	-
Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa	-	14.403.026.433
Thanh lý tài sản	327.272.728	581.631.164
Thu nhập khác	1.469.115.538	1.839.661.538
	<u>73.835.277.789</u>	<u>16.824.319.135</u>
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	(12.357.196.013)	(2.690.088.229)
Xóa sổ tài sản cố định	(1.311.010.357)	(2.654.332.706)
Chi phí khác	(2.078.292.290)	(1.404.033.803)
	<u>(15.746.498.660)</u>	<u>(6.748.454.738)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>58.088.779.129</u>	<u>10.075.864.397</u>

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà các ngân hàng đã yêu cầu để được miễn giảm số lãi vay đã ghi nhận trước đây. Vì vậy, Công ty đã ghi nhận số tiền lãi được miễn giảm này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân viên	1.840.767.250	4.039.895.000
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.238.369	25.382.214
Chi phí công cụ, dụng cụ	392.938.841	60.017.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.404.844.296	4.204.944.426
Chi phí khác	239.392.772	498.172.765
TỔNG CỘNG	<u>4.899.181.528</u>	<u>8.828.412.379</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân viên	23.239.632.584	31.585.509.590
Chi phí khấu hao và hao mòn	986.442.642	1.556.031.288
Công cụ, dụng cụ	4.125.694.573	1.972.461.752
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.188.448.434)	22.405.949.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.609.895.203	6.268.257.429
Chi phí khác	1.651.115.689	3.034.572.005
TỔNG CỘNG	<u>31.424.332.257</u>	<u>66.822.781.757</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)</i>
Chi phí nguyên vật liệu	193.267.348.635	1.065.354.913.656
Chi phí nhân viên	109.447.197.336	102.041.386.789
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	14.880.637.092	3.603.775.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.062.121.618	27.260.360.462
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(24.554.238.257)	33.517.739.617
Chi phí khác	18.185.540.635	8.079.243.589
TỔNG CỘNG	<u>333.288.607.059</u>	<u>1.239.857.419.520</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 nên Công ty không trích lập thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 32)</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	1.433.052.724	(952.610.631.303)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	286.610.545	(190.522.126.261)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.807.342.559	858.247.242
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.854.402.194	(3.134.688.869)
Dự phòng đầu tư tài chính	2.005.817.717	1.199.754.057
Thay đổi chi phí phải trả	(10.723.821.120)	(3.279.509.059)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(82.175.000)	(10.035.000)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.237.689.687)	4.481.129.030
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.319.651.538)	2.222.357.985
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	186.207.432.312
Lỗ chuyển sang kỳ sau không ghi nhận thuế hoãn lại	6.409.164.330	1.977.438.563
Chi phí thuế TNDN	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do Công ty không ước tính chắc chắn được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Các chênh lệch tạm thời

	VND Số tiền
Dự phòng phải thu khó đòi	102.681.569.957
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	122.871.067.310
Chi phí phải trả	6.364.898.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	49.767.107.105
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.548.537.500
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.172.098.986)
TỔNG CỘNG	<u>282.061.081.070</u>

Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 230.833.356.005 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 198.787.534.355 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND						
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017	
2016	2021	(198.787.534.355)	-	-	(198.787.534.355)	
2017	2022	(32.045.821.650)	-	-	(32.045.821.650)	
		<u>(230.833.356.005)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(230.833.356.005)</u>	

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần đảm bảo và dự kiến sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	7.907.355.493	189.188.081.293
		Lãi cho vay	4.355.282.442	-
		Bán nguyên liệu	2.611.097.330	81.649.208.877
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	24.543.354.642	146.656.088.733
		Bán nguyên liệu	5.668.046.740	6.557.446.233
		Lãi cho vay	3.841.966.332	-
		Nhận cung cấp dịch vụ	-	36.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	26.583.200
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	2.038.270.180	4.280.926.000
		Nhận cung cấp dịch vụ	-	16.770.000.000
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua nguyên liệu	82.080.000	1.507.429.000
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Mua nguyên liệu	2.304.764.211	9.350.339.793
		Lãi cho vay	384.323.332	-
		Bán hàng hóa	-	16.450.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu	13.373.483.147	14.751.964.639
		Bán nguyên liệu	1.556.665.470	5.082.131.714
		Cung cấp dịch vụ	-	17.704.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành - Đắc Nông	Công ty con	Lãi cho vay	1.710.646.481	-
		Mua nguyên liệu	-	70.519.371.084
		Bán nguyên liệu	-	32.838.560.000
		Bán hàng hóa	-	93.547.818
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	-	184.294.662
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Lãi cho vay	689.655.704	693.465.957
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay	301.666.668	303.333.334
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	179.048.173	3.627.299.985
		Bán hàng hóa	-	523.518.816
		Cung cấp dịch vụ	-	573.939.908
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	1.530.000.000	-
		Lãi cho vay	1.118.546.572	2.395.091.904
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Trả lãi	664.574.237	-
		Trả nợ gốc	-	32.455.205.020
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Tạm ứng	431.733.940	-
Công ty Cổ phần Lâm sản XNK Tổng hợp Bình Dương	Bên liên quan	Nhận cung cấp dịch vụ	210.125.775	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Bán hàng	16.560.023.727	42.557.345.879
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	53.621.721.533	59.611.498.043
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	-	7.182.329.517
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Bán hàng	11.212.710.509	10.635.098.909
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Bán hàng	1.592.246.302	1.592.246.302
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Bán hàng	195.806.154	195.806.154
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Bán hàng	38.958.652	38.958.652
Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	1.500.043.560
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	18.468.366.559
			83.221.466.877	141.781.693.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	14.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	11.720.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Mua hàng	960.000.000	-
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Mua hàng	431.733.940	-
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Mua hàng	57.048.918	-
			<u>27.818.782.858</u>	<u>-</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Cho vay	82.562.001.815	82.562.001.815
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho vay	67.929.000.000	67.929.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	32.214.312.395	36.214.312.395
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Cho vay	28.353.256.553	28.353.256.553
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Cho vay	9.506.757.500	9.506.757.500
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Cho vay	6.370.000.000	6.370.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Cho vay	6.717.427.765	4.755.427.765
			<u>238.652.756.028</u>	<u>240.690.756.028</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	35.861.460.000	34.491.840.000
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	120.000.000	-
			35.981.460.000	34.491.840.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	54.640.569.910 12.997.179.111	54.599.296.810 9.155.212.779
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn	14.113.176.661 41.273.100	9.757.894.219 23.978.191.747
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	2.228.047.811 82.546.200	189.777.631 -
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	4.046.609.863 30.955.100	3.356.954.159 -
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	430.955.100 1.408.213.332	400.000.000 1.023.890.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	916.666.670 30.955.100	615.000.002 -
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay Cho mượn	54.373.740 3.207.872.490 3.703.102.175	3.716.202.815 1.497.226.009 -
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay Chi hộ	582.874.233 30.955.100	549.261.613 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Lãi cho vay	475.060.869	76.970.062
		Chi hộ	30.955.100	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	72.228.200	-
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Chi hộ	82.546.200	-
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Chi hộ	30.955.100	-
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Chi hộ	41.273.100	-
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	41.273.100	-
			<u>99.320.617.365</u>	<u>108.915.877.846</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	22.218.990.117	22.136.910.117
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Mua hàng	7.538.515.055	7.538.515.055
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	4.797.491.750	4.797.491.750
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	2.454.809.350	2.090.306.828
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	1.830.935.076	2.156.982.086
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	1.674.076.947	2.731.302.077
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	35.071.000	-
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Mua hàng	19.088.175	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đắc Nông	Công ty con	Mua hàng	-	29.851.292.094
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng và dịch vụ	-	792.353.408
			40.568.977.470	72.095.153.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Lâm sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương	Bên liên quan	Mua dịch vụ	651.145.366	-
Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Lãi vay	-	5.731.927.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Lãi vay	-	2.580.796.308
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Lãi vay	-	664.574.237
			651.145.366	8.977.297.601
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mượn	1.338.493.106	1.338.493.106
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Mượn	51.141.316	51.141.316
Công ty Cổ phần Trường Thành		Mượn	-	24.953.541.078
			1.389.634.422	26.343.175.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Người mua trả tiền ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	24.835.249.883
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Dịch vụ lắp đặt	-	1.308.806.400
			<hr/>	<hr/>
			-	26.144.056.283
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Vay	-	1.032.336.527.786
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của cổ đông lớn (từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Vay	-	335.389.000.000
			<hr/>	<hr/>
			-	1.367.725.527.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Lương và thù lao	<u>1.193.374.000</u>	<u>504.000.000</u>

32. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA KỲ TRƯỚC

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố một số khoản mục sau đây nhằm phản ánh hợp lý hơn kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ trước.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tương ứng từ các nghiệp vụ bán hàng cho một nhóm khách hàng với tổng số tiền là 254.558.117.967 VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty ghi giảm khoản mục "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và khoản mục "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với cùng số tiền đã nêu.

Chi phí lãi vay

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố chi phí lãi vay của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 mà đã được ghi nhận là chi phí tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 16.397.545.296 VND. Theo đó, Công ty ghi tăng khoản mục "Lỗ lũy kế" tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giảm khoản mục "Chi phí tài chính" cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với cùng số tiền đã nêu.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố nêu trên được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của điều chỉnh lại</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được điều chỉnh lại)</i>
			VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	745.580.446.511	(254.558.117.967)	491.022.328.544
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.580.484.467.607)	254.558.117.967	(1.325.926.349.640)
Chi phí tài chính	(105.703.633.389)	16.397.545.296	(89.306.088.093)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Tổng lỗ kế toán trước thuế	(969.008.176.599)	16.397.545.296	(952.610.631.303)
Chi phí lãi vay	93.165.962.398	(16.397.545.296)	76.768.417.102


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, danh sách các nhà đầu tư chiến lược và kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ việc phát hành. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các hồ sơ cần thiết cho việc phát hành để nhận được quyết định phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập


Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng


Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 8 năm 2017